

**KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GD QP-AN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
Hệ đại học, cao đẳng chính quy K19 ( Từ ngày 16/6/2014 đến 06/7/2014)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TQS ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Quân sự)

TT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				TB	Xếp loại	GHI CHÚ
					CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB			
1074	1921126482	Ngô Minh	Trí	K19CMU_TPM	7.0	5.0	5.0	5.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	8.0	7.1	6.5	TBK	
1075	1921116399	Nguyễn Tuấn	Anh	K19CMU_TMT									7.0	6.0	8.0	7.3		KĐĐK	
1076	1921219899	Nguyễn Hồng	Thảo	K19QTH	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
1077	1821216664	Hồ Văn	Thông	K19QTH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1078	1921215060	Trần Lê Công	Tùng										7.0	5.0	8.0	7.1		KĐĐK	
1079	1920215243	Trần Diệu	Ái	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1080	1920259037	Nguyễn Hà Kiều	Anh	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1081	1920352580	Vũ Thị Việt	Anh	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1082	1920356226	Nguyễn Xuân Quỳnh	Anh	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	5.0	6.0	6.0	5.7	6.4	TBK	
1083	1920356219	Nguyễn Thị Kim	Ánh	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1084	1920358912	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1085	1920356198	Nguyễn Thị Hải	Âu	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1086	1921352640	Lê Đức	Cường	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	5.0	6.0	7.0	6.2	6.7	TBK	
1087	1920326336	Ngô Thị	Châu	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1088	1920715921	Trần Thị Như	Diễm	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1089	1920356197	Phạm Thị Mỹ	Dung	K19VQH	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1090	1921623469	Phan Trinh Đức	Duy	K19VQH	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1091	1920359091	Trần Thị Thùy	Duyên	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1092	1920359848	Lê Thị Thùy	Dương	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.4	K	
1093	1921356206	Trần Minh	Đạt	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1094	1921715895	Đỗ Văn Thành	Đạt	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1095	1921726095	Nguyễn Hồng	Đức	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK	
1096	1920356217	Hoàng Minh	Giang	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1097	1920318797	Võ Thị Thu	Hà	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1098	1920350956	Nguyễn Thị Hồng	Hà	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1099	1920356195	Nguyễn Thị	Hằng	K19VQH	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1100	1920356202	Bùi Nguyễn Minh	Hằng	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1101	1920358021	Nguyễn Đỗ Mỹ	Hiếu	K19VQH	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1102	1921359865	Đặng Văn	Hiếu	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
1103	1920356221	Trần Thị Minh	Hoà	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
1104	1920351933	Thân Thị	Hoà	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.3	K	
1105	1921153322	Đặng Văn	Hoàng	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1106	1920356194	Dương Mỹ	Kim	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1107	1920715741	Nguyễn Diệp Hồng	Linh	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1108	1920715898	Võ Thị Phương	Linh	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1109	1920359413	Nguyễn Thị Thanh	Loan	K19VQH	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK	
1110	1920322551	Hứa Thị Thanh	Long	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1111	1921356230	Phạm Thanh	Long	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1112	1921331914	Võ Văn	Lợi	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.8	TBK	
1113	1920351327	Nguyễn Nữ Thảo	Ly	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1114	1920352307	Huỳnh Thị Bảo	Mi	K19VQH	8.0	5.0	7.0	6.9	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1115	1920358533	Phạm Thị Sương	Muội	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1116	1920225258	Lưu Hoàng Thảo	My	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1117	1920356209	Nguyễn Thị Hồng	My	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1118	1920358532	Nguyễn Thị	Ngân	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1119	1920358530	Trần Thủy	Nguyên	K19VQH	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1120	1920356222	Phan Thị Thanh	Nhàn	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1121	1920351371	Nguyễn Ngọc Đan	Phương	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1122	1920356213	Võ Mai Thị Kiều	Phương	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1123	1921359960	Nguyễn Minh	Quý	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
1124	1921359138	Nguyễn Tấn	Sĩ	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1125	1920316302	Trần Thị	Tâm	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K	
1126	1920718853	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	K	
1127	1921356232	Trần Hà	Tiên	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1128	1921715970	Nguyễn Văn	Toàn	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1129	1920269436	Hồ Thị Thanh	Thanh	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1130	1920726077	Đoàn Thị Thanh	Thiện	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1131	1920356220	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	5.0	7.0	7.0	6.4	7.1	K	
1132	1920356233	Nguyễn Thị	Thủy	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K	
1133	1920716838	Phan Thị Anh	Thư	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	

1134	1920715716	Nguyễn Thị Thanh	Thương	K19VQH	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK	
1135	1921358698	Võ Mậu	Thương	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	K	
1136	1920351832	Huỳnh Thị Thu	Trang	K19VQH	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1137	1920356227	Hồ Thị Huyền	Trang	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1138	1920356236	Phan Thị Quỳnh	Trang	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1139	1920358022	Vũ Hồng Thu	Trang	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1140	1920359134	Huỳnh Thị Thu	Trang	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1141	1920716795	Phan Thị Thùy	Trinh	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1142	1920219826	Hứa Thanh	Trúc	K19VQH	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1143	1920358529	Nguyễn Nguyệt	Vấn	K19VQH	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1144	1920225254	Nguyễn Thụy Đan	Vi	K19VQH					9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	5.0	5.6		KDDK	
1145	1920433931	Nguyễn Thị Mỹ	Vương	K19VQH	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1146	1921356203	Chế Viết	Vỹ	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1147	1920350913	Võ Thị Thanh	Xuân	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1148	1920326346	Nguyễn Thị Như	Ý	K19VQH	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1149	1920352497	Đặng Kim	Yến	K19VQH	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1150	1921613369	Nguyễn Văn Việt	Anh	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1151	1921618150	Đặng Đức	Anh	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1152	1921215030	Đỗ Đình	Bảo	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1153	1921613448	Trần Hữu	Bảo	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1154	1921619381	Phạm Thanh	Bình	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1155	1921619068	Nguyễn Như	Bôn	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.8	TBK	
1156	1921613327	Nguyễn Hữu	Cánh	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1157	1921613374	Phạm Việt	Cường	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1158	1921623526	Nguyễn Văn	Cường	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	6.4	TBK	
1159	1921613367	Đặng Xuân	Chín	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.6	5.0	5.0	6.0	5.5	6.7	TBK	
1160	1921265593	Nguyễn Hữu	Dũng	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6					7.0	5.0	7.0	6.6		KDDK	
1161	1921613420	Nguyễn Việt	Dũng	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1162	1921613430	Văn Phú	Dũng	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	6.0	7.0	7.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1163	1921173863	Huỳnh Công Bảo	Duy	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1164	1921612439	Phạm Quang	Duy	K19XDD	8.0	5.0	6.0	6.4	9.0	5.0	7.0	7.2	5.0	6.0	7.0	6.2	6.6	TBK	
1165	1921613358	Nguyễn Quang	Đạt	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1166	1921613412	Nguyễn Thành	Đạt	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	2.0	5.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK	
1167	1921618144	Nguyễn Quốc	Đạt	K19XDD	9.0	5.0	6.5	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1168	1921618935	Ngô Thành	Đạt	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	5.0	5.6	6.4	TBK	
1169	1921629192	Nguyễn Hữu	Đệ	K19XDD	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1170	1921623476	Huỳnh Quang	Đức	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1171	1921611988	Nguyễn	Ghích	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1172	1921613458	Phạm Phú	Gia	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1173	1921162625	Nguyễn Xuân	Hải	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1174	1921613372	Lê Nguyễn Quốc	Hải	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1175	1921613444	Trương Quang	Hải	K19XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	6.1	TBK	
1176	1921633992	Ngô Tấn	Hân	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1177	1921613368	Lê Công	Hậu	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1178	1921613416	Cao Văn	Hoa	K19XDD	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1179	1921610975	Nguyễn Anh	Hoàn	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	2.0	5.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK	
1180	1921613338	Nguyễn Văn	Hoàng	K19XDD	9.0	7.0	6.5	7.4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK	
1181	1921644944	Nguyễn Thanh	Hoàng	K19XDD					8.0	7.0	5.0	6.3	5.0	5.0	7.0	6.0		KDDK	
1182	1921613326	Nguyễn Quốc	Hội	K19XDD	9.0	7.0	6.5	7.4	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1183	1921613331	Đặng Minh	Hợp	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1184	1920715799	Lê Quốc	Huy	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1185	1921613380	Phạm Như	Huy	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK	
1186	1921613388	Phạm Quang	Huy	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1187	1921613395	Trần Thanh	Huy	K19XDD									7.0	6.0	7.0	6.8		KDDK	
1188	1921162659	Nguyễn Quốc	Hưng	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2					7.0	6.0	7.0	6.8		KDDK	
1189	1921613384	Nguyễn Thanh	Hưng	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1190	1921613433	Nguyễn Trường	Kỳ	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1191	1921613340	Trần Đình Quốc	Khánh	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1192	1921258461	Nguyễn	Lệnh	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK	
1193	1921613409	Phạm Quang	Linh	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1194	1921619092	Kiều Văn	Linh	K19XDD	7.0	7.0	5.0	6.0	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	8.0	7.3	6.6	TBK	
1195	1921613354	Phan Phước	Lĩnh	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7										KDDK	
1196	1921610979	Lê Hoàng	Long	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1197	1921612645	Võ Thanh	Long	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1198	1921613463	Lê Văn	Long	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	5.0	6.0	7.0	6.2	6.5	TBK	
1199	1921618794	Trương Văn	Luyến	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1200	1921613427	Lê Bá	Mạnh	K19XDD	9.0	5.0	5.5	6.5	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
1201	1921613376	Lâm Nguyễn Ngọc	Minh	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1202	1921618141	Nguyễn Văn	Minh	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1203	1921618148	Đặng Vũ	Minh	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	

1204	1921613325	Lê Hoà	Nam	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1205	1921613348	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	K19XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.2	TBK	
1206	1921619450	Doãn Bá Thịnh	Nam	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	5.0	5.0	6.0	5.5	6.4	TBK	
1207	1920619165	Lê Thị Thanh	Nga	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK	
1208	1921613406	Nguyễn Hữu	Nghĩa	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1209	1921618138	Trương Trọng	Nhân	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	5.0	5.8	6.9	TBK	
1210	1921619007	Lê Thành	Nhân	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1211	1921613466	Lê Trường	Nhất	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1					7.0	5.0	7.0	6.6		KDDK	
1212	1911120808	Huỳnh Minh	Nhật	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1213	1920613413	Nguyễn Văn Hoài	Nhật	K19XDD	9.0	5.0	6.5	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	5.0	5.6	6.6	TBK	
1214	1920619048	Dương Phú	Nhật	K19XDD	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1215	1921613428	Nguyễn Thành	Nhật	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1216	1921613324	Đỗ Phương	Phát	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1217	1921613382	Dương Phú	Phong	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1218	1921619548	Lê Dương	Phúc	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1219	1921644977	Nguyễn Văn	Phúc	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1220	1921173881	Phan Nhật	Quân	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1221	1921619482	Trần Minh	Quân	K19XDD	9.0	5.0	6.5	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	5.0	5.0	7.0	6.0	6.7	TBK	
1222	1921629574	Nguyễn Văn	Quốc	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1223	1921613402	Trịnh Văn	Quý	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1224	1921613407	Phan Xuân	Quý	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1225	1921613385	Trần Mai	Quyền	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1226	1921613351	Phan Tăng	Quyết	K19XDD	9.0	7.0	5.5	6.9	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1227	1921633971	Bạch Văn	Sang	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1228	1921613377	Huỳnh Lê Tấn	Tài	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1229	1921613403	Nguyễn Thành	Tài	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1230	1921619221	Huỳnh Chí	Tài	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1231	1921613460	Võ Thiện	Tâm	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1232	1921613355	Đình Sơn	Tiên	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1233	1921619162	Phan Thanh	Tiên	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1234	1921613446	Bùi Ngọc	Tiến	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.5	K	
1235	1921613375	Nguyễn Minh	Toàn	K19XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK	
1236	1921618145	Trần Duy	Toàn	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1237	1921611329	Phan Văn	Tuân	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1238	1921613333	Nguyễn Trương Minh	Tuấn	K19XDD	9.0	5.0	5.5	6.5	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
1239	1921613437	Trần Quốc Văn	Tuấn	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1240	1921617848	Lương Quốc	Tuấn	K19XDD	8.0	5.0	5.5	6.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK	
1241	1921617850	Võ Quang	Tuấn	K19XDD	9.0	5.0	5.5	6.5	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	5.0	5.8	6.5	TBK	
1242	1921618931	Phan Công	Tuấn	K19XDD	9.0	5.0	6.5	7.0	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1243	1921619808	Hồ Sỹ	Tuệ	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1244	1921612689	Lê Sơn Khánh	Tùng	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1245	1921613342	Nguyễn Thanh	Tùng	K19XDD	8.0	5.0	7.0	6.9	9.0	7.0	5.0	6.6	5.0	5.0	6.0	5.5	6.3	TBK	
1246	1921113139	Phạm Đức	Thanh	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	6.0	6.3	7.2	K	
1247	1921611896	Võ Văn	Thanh	K19XDD									7.0	6.0	7.0	6.8		KDDK	
1248	1921612665	Đặng	Thành	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1249	1921613415	Nguyễn Quốc	Thành	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1250	1921613459	Nguyễn Cao	Thành	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1251	1921617847	Huỳnh Tấn	Thành	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1252	1921616527	Nguyễn Bá	Thắng	K19XDD	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1253	1921612308	Trần Xuân	Thị	K19XDD	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1254	1921613383	Đặng Xuân	Thị	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	5.0	5.8	6.3	TBK	
1255	1921618142	Lê Phú	Thịnh	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1256	1921619654	Nguyễn Trần Hoàng	Thông	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1257	1921619163	Trần Văn	Thời	K19XDD	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.5	K	
1258	1921613347	Lưu Hùng	Thuận	K19XDD	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1259	1921613357	Trương Văn	Trí	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	K	
1260	1921634023	Võ Minh	Trí	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1261	1921613431	Nguyễn Đình	Trọng	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1262	1921613456	Nguyễn Văn	Trọng	K19XDD	9.0	5.0	5.5	6.5	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1263	1921610895	Lê Bảo	Trung	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	5.0	6.0	7.0	6.2	6.7	TBK	
1264	1921613396	Võ Quốc	Vĩ	K19XDD	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1265	1921611922	Hoàng Quốc	Việt	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1266	1921618147	Vũ Quốc	Việt	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1267	1921620927	Hồ Đắc	Việt	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1268	1921613339	Nguyễn Văn	Vinh	K19XDD	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1269	1921173896	Huỳnh Ngọc	Vũ	K19XDD	9.0	5.0	5.5	6.5	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1270	1921610925	Trần Tuấn	Vũ	K19XDD	9.0	7.0	5.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1271	1921613330	Thân Trọng	Vũ	K19XDD									7.0	6.0	7.0	6.8		KDDK	
1272	1921613453	Trương Anh	Vũ	K19XDD	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1273	1921613392	Nguyễn Minh	Vương	K19XDD	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	

1274	1921612686	Nguyễn Như Ý	K19XDD	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	7.0	7.2	5.0	5.0	8.0	6.5	7.0	K	
1275	1920267986	Nguyễn Thị Thúy An	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1276	1920255508	Phạm Thùy Phương	Anh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.6	K
1277	1920259105	Trần Thị Ngọc	Anh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1278	1920259226	Nguyễn Thị Tâm	Anh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	K
1279	1920255444	Hồ Thị Mỹ	Châu	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K
1280	1920259950	Võ Thị Ái	Châu	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K
1281	1920255559	Vân Thị Kim	Chi	K19KKT									5.0	6.0	7.0	6.2	KĐĐK	
1282	1920255418	Trần Ngọc Thảo	Chinh	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	K
1283	1920259624	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	K19KKT	7.0	5.0	7.0	6.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
1284	1920267989	Lê Thị Thu	Diệu	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
1285	1920241359	Trần Thị Mỹ	Duyên	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.8	TBK
1286	1920250810	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1287	1920255410	Cao Trần Kỳ	Duyên	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1288	1920257975	Tôn Thị Mỹ	Duyên	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K
1289	1920261829	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
1290	1920715989	Vân Thị Vương	Duyên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	5.0	5.0	7.0	6.0	6.6	TBK
1291	1920255401	Hồ Nguyễn Ánh	Dương	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	5.0	7.0	7.0	6.4	7.2	K
1292	1920259757	Phạm Thị Anh	Đào	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
1293	1921251868	Phan Quốc	Đạt	K19KKT	7.0	5.0	7.0	6.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
1294	1920255496	Trần Thị Kiều	Hà	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1295	1920258479	Nguyễn Thị Thu	Hà	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
1296	1920267988	Trần Thị Thu	Hà	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1297	1920514173	Võ Thị Ngọc	Hà	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K
1298	1920258477	Vân Hồng	Hạnh	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1299	1920251870	Trần Thị Thanh	Hào	K19KKT	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK
1300	1920255483	Phạm Thị Minh	Hàng	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K
1301	1920255584	Hoàng Thị	Hàng	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K
1302	1920258829	Trịnh Thị Thu	Hàng	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1303	1920258920	Phạm Thị	Hàng	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1304	1920258961	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1305	1920251342	Đặng Thị Thanh	Hậu	K19KKT	7.0	5.0	7.0	6.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	K
1306	1920255529	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
1307	1920255547	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1308	1920255575	Hồ Thị	Hiền	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K
1309	1920258934	Dương Thị Thu	Hiền	K19KKT	7.0	5.0	6.0	6.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
1310	1920258893	Huỳnh Thị Mỹ	Hiệp	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	6.0	6.3	6.9	TBK
1311	1920255476	Phạm Thị Thanh	Hiếu	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.4	K
1312	1921250739	Võ Trung	Hiếu	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	5.0	6.0	7.0	6.2	6.7	TBK
1313	1920255525	Đặng Thị Thanh	Hoa	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1314	1920258478	Trương Thị Quỳnh	Hoa	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
1315	1920259289	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	8.0	7.1	7.1	K
1316	1921255398	Phan Ngọc	Huy	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K
1317	1921255557	Lê Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK
1318	1920251397	Trần Ngọc	Huyền	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK
1319	1920251802	Nguyễn Thị	Hương	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K
1320	1920255591	Ngô Thị Thu	Hương	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1321	1920265632	Võ Thị Thùy	Hương	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.1	K
1322	1920250859	Bùi Thị Hậu	Hữu	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1323	1920251354	Nguyễn Kim	Khánh	K19KKT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
1324	1921255535	Kỳ Xuân	Lam	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
1325	1920255567	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK
1326	1921255506	Dương Văn	Lâm	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	8.0	7.1	7.3	K
1327	1920253043	Bùi Thị Mỹ	Lệ	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
1328	1920252690	Hoàng Thị	Liên	K19KKT	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.5	K
1329	1920215193	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	K19KKT	8.0	5.0	7.0	6.9					7.0	6.0	7.0	6.8		KĐĐK
1330	1920251309	Trịnh Nhật	Linh	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1331	1920255409	Phạm Phương	Linh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1332	1920255479	Phạm Mỹ	Linh	K19KKT									7.0	5.0	7.0	6.6		KĐĐK
1333	1920257969	Lê Phương	Linh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.5	K
1334	1920265624	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1335	1921633998	Nguyễn Nam	Long	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1336	1920259628	Nguyễn Thị Thảo	Ly	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
1337	1920255465	Võ Thị Minh	Lý	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1338	1920255463	Nguyễn Lê Phương	Minh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1339	1920258999	Phạm Thị Lâm	Mơ	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
1340	1920257979	Nguyễn Thị Trà	My	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1341	1920258700	Trần Thị Hà	My	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	5.0	5.0	8.0	6.5	6.9	TBK
1342	1921255587	Hoàng Đình	Nam	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK
1343	1920257981	Lê Tâm Thảo	Ny	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K

1344	1920255482	Phạm Thị Thủy	Ngân	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1345	1920255546	Mai Thị Xuân	Ngân	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1346	1920259523	Hoàng Thị	Ngân	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.0	6.3	7.3	K	
1347	1920259533	Lê Nguyễn Phương	Nghi	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1348	1920255581	Phan Thị Kim	Ngọc	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1349	1920258904	Lưu Thị Bích	Nguyễn	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1350	1920255492	Nguyễn Thị Hà	Nhi	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	6.0	6.1	6.8	TBK	
1351	1920255553	Trần Thị Thúy	Nhi	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1352	1920259148	Nguyễn Thị Kim	Nhi	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K	
1353	1920318029	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1354	1920255531	Đỗ Thanh Tuyết	Nhung	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK	
1355	1920255566	Nguyễn Thị	Nhung	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1356	1920255588	Đào Thị Hồng	Nhung	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1357	1920258732	Trần Thị Hồng	Nhung	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1358	1920258890	Nguyễn Thị Diễm	Oanh	K19KKT	7.0	5.0	5.0	5.6	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK	
1359	1921251850	Đoàn Thị Kiều	Oanh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.6	K	
1360	1921255407	Trương Công	Phúc	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	6.0	6.1	6.9	TBK	
1361	1921255451	Phan Thanh	Phúc	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	K	
1362	1920257971	Phan Thái Duy	Phước	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1363	1920255399	Trần Hoài	Phương	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6					7.0	6.0	8.0	7.3		KDDK	
1364	1920258898	Đỗ Thị Anh	Phương	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1365	1920255461	Lương Bích	Phượng	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1366	1921255554	Nguyễn Thành	Quân	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1367	1920253046	Lương Thị Như	Quỳnh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1368	1921255515	Trịnh Văn	Sang	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1369	1920258471	Mai Thị Linh	Sen	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1370	1920258752	Lê Thị	Sen	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1371	1920255462	Trần Thị	Son	K19KKT	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	9.0	6.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1372	1920255550	Nguyễn Thị Thu	Sương	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	8.0	7.3	7.5	K	
1373	1920258460	Bùi Thị Thanh	Tâm	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1374	1921259114	Lê Bá Thiện	Tâm	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1375	1921258469	Nguyễn Xuân	Tấn	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	5.0	5.8	6.8	TBK	
1376	1920235300	Nguyễn Thị Hà	Tiên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1377	1921251925	Trần Văn	Tín	K19KKT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
1378	1921259488	Thái Đắc	Tú	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1379	1921255411	Trần Thanh	Tuấn	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1380	1921258482	Đình Đình Anh	Tuấn	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	5.0	6.0	7.0	6.2	6.8	TBK	
1381	1920255445	Ngô Thị Phương	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	6.0	6.3	7.1	K	
1382	1920255466	Phạm Thị Phương	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1383	1920255468	Dương Thị Thu	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1384	1920255488	Nguyễn Thị	Thảo	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1385	1920255493	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1386	1920255565	Trần Thị	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.9	TBK	
1387	1920257973	Đặng Thị Phương	Thảo	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1388	1920268486	Lê Thị Hạnh	Thảo	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1389	1921255533	Phan Văn	Thịnh	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK	
1390	1920255583	Châu Thị	Thu	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1391	1921259743	Nguyễn Lê	Thuần	K19KKT	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.1	8.2	G	
1392	1920235319	Trần Thị Thanh	Thủy	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	7.0	7.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1393	1920252568	Tạ Thị Bích	Thủy	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1394	1920252658	Huỳnh Thị Phương	Thủy	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1395	1920255446	Đàm Mỹ Anh	Thư	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1396	1920257983	Ông Thị Hoài	Thương	K19KKT	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	G	
1397	1920215172	Phan Thùy	Trang	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1398	1920251353	Phạm Thị Huyền	Trang	K19KKT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1399	1920251388	Võ Thùy	Trang	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1400	1920255512	Phùng Thị Thùy	Trang	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1401	1920255589	Phan Nguyễn Thị	Trang	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.4	K	
1402	1920258475	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1403	1920259933	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	K19KKT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1404	1920252343	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1405	1920255449	Lê Hồ Thùy	Trâm	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.6	TBK	
1406	1920633977	Trần Huyền	Trần	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.4	K	
1407	1921257980	Trần Thanh	Trí	K19KKT	7.0	7.0	6.0	6.5	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	K	
1408	1920257974	Phạm Thị Diễm	Trình	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1409	1921251849	Nguyễn Thị Diễm	Trình	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1410	1920255489	Trần Thanh	Trúc	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1411	1920255448	Phan Thị Thục	Uyên	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.4	K	
1412	1920255459	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1413	1920255472	Nguyễn Nguyễn Phương	Uyên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.6	K	

1414	1920255477	Phan Thi Thanh	Uyên	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK	
1415	1920255510	Võ Thị Tố	Uyên	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1416	1920257976	Trần Nguyễn Phương	Uyên	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1417	1920259782	Võ Thị	Vân	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
1418	1920255511	Nguyễn Thị Phương	Vàng	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1419	1921123180	Phạm Ngọc	Vĩ	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1420	1921250931	Nguyễn Văn	Vũ	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1421	1920250868	Nguyễn Hà	Vy	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1422	1920251301	Hồ Thị Tường	Vy	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	7.0	9.0	7.0	7.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1423	1920259806	Phan Thị Diễm	Vy	K19KKT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1424	1920255464	Trần Thị Ngọc	Yên	K19KKT									7.0	6.0	8.0	7.3		KDDK	
1425	1920255543	Trần Thị	Yến	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1426	1920259296	Nguyễn Thị Hải	Yến	K19KKT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1427	1820255362	Phạm Thị	Mến	K19KKT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1428	1921642561	Phùng Phúc	Hiên	K19KKT	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	9.0	6.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1429	1921113078	Đào Tuấn	Anh	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1430	1921113126	Phan Văn	Bằng	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K	
1431	1921123318	Võ Văn	Bi	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1432	1921113107	Nguyễn Hoàng	Cung	K19TMT									7.0	6.0	5.0	5.8		KDDK	
1433	1921113090	Lê Phú	Cường	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1434	1921113061	Vũ Văn	Duẩn	K19TMT									7.0	5.0	7.0	6.6		KDDK	
1435	1921113099	Phạm Văn	Dũng	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1436	1921119772	Nguyễn Trường	Dũng	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1437	1921113091	Lê Quang	Đại	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	5.0	5.0	7.0	6.0	6.7	TBK	
1438	1921113127	Nguyễn Thành	Đạt	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	5.0	5.8	6.6	TBK	
1439	1921113118	Trần Ngọc	Đông	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1440	1921111322	Nguyễn Thành	Đức	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1441	1921163739	Phạm Ngọc	Đức	K19TMT									7.0	5.0	7.0	6.6		KDDK	
1442	1921113075	Trần Trung	Hiếu	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1443	1921113109	Đỗ Đức	Hòa	K19TMT	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1444	1921113112	Nguyễn Văn	Hòa	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1445	1921119734	Ngô Hữu	Hoài	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK	
1446	1921113063	Nguyễn Nhật	Hoàng	K19TMT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1447	1921116411	Mai Ngọc	Hoàng	K19TMT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1448	1921113086	Lê Văn	Hùng	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1449	1921113084	Nguyễn Đức	Huy	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK	
1450	1921118969	Lê Trọng	Khải	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.2	K	
1451	1921113054	Nguyễn Nhật	Khánh	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1452	1921113100	Phan Gia	Khánh	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK	
1453	1921113136	Nguyễn Đăng	Khoa	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1454	1921119501	Nguyễn Trần Nhật	Lâm	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	5.0	5.8	6.4	TBK	
1455	1921119597	Phạm Hạ	Lâm	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1456	1921113072	Hứa Hoàng	Linh	K19TMT									7.0	5.0	5.0	5.6		KDDK	
1457	1921118115	Phạm Bá	Lộc	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1458	1921113129	Phạm Thành	Luân	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1459	1921113113	Nguyễn Quốc	Minh	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1460	1921113096	Nguyễn Nhơn	Nghĩa	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1461	1921163712	Trương Công	Nghĩa	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1462	1921119111	Võ Thừa Phúc	Nguyên	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	5.0	5.0	5.6	6.7	TBK	
1463	1921113135	Đoàn Văn	Nhạn	K19TMT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1464	1921113093	Trần Hoàng	Phát	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.4	K	
1465	1921123301	Nguyễn Xuân	Phúc	K19TMT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1466	1921113083	Phạm Phước	Sang	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1467	1921113080	Hà Tiến	Tài	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K	
1468	1921113081	Mai Việt	Tân	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1469	1921113082	Nguyễn Đắc	Tiến	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.3	K	
1470	1921113114	Nguyễn Thế	Tiến	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1471	1921113115	Lê	Toàn	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	5.0	5.6	6.8	TBK	
1472	1921438196	Bùi Văn	Tùng	K19TMT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1473	1921113104	Từ Như	Tuyến	K19TMT	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1474	1921113050	Nguyễn Văn	Thạch	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.4	K	
1475	1921112464	Trần Văn	Thịnh	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1476	1921113092	Nguyễn Văn	Thịnh	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	6.0	5.0	5.0	5.3	6.0	TBK	
1477	1921123183	Nguyễn Tài	Thu	K19TMT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1478	1921112448	Nguyễn Oanh	Thương	K19TMT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1479	1921113079	Võ Việt	Trung	K19TMT	9.0	6.0	6.0	6.9	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1480	1921113103	Lương Trọng	Trung	K19TMT	9.0	6.0	6.0	6.9	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1481	1921113134	Châu Thành	Trung	K19TMT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	8.0	7.1	7.2	K	
1482	1921634005	Nguyễn Ngọc	Trường	K19TMT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK	
1483	1921113101	Phạm Văn	Vũ	K19TMT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	

1484	1921119541	Trương Quang	Vũ	K19TMT	9.0	6.0	6.0	<b>6.9</b>	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1485	1921163765	Huỳnh Xuân	Vương	K19TMT	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1486	1921433921	Nguyễn Trọng Nam	Xuyên	K19TMT	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>	7.0	5.0	5.0	<b>5.6</b>	5.0	5.0	7.0	<b>6.0</b>	<b>5.9</b>	TB	
1487	1821164794	Đinh Vũ Ngọc	Thức	K19TMT	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1488	1921128125	Nguyễn Văn Hoài	Ái	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1489	1921123244	Hoàng Trường	An	K19TPM	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.5</b>	TBK	
1490	1921123155	Lê Tuấn	Anh	K19TPM	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1491	1921123261	Nguyễn Tân	Anh	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	5.0	8.0	<b>7.1</b>	<b>7.2</b>	K	
1492	1921433918	Nguyễn Bá Hoàng	Ân	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	8.0	<b>7.3</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1493	1921123176	Phan Đức	Bản	K19TPM	7.0	8.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1494	1921123218	Phan Phước Quốc	Bảo	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1495	1921127839	Lê Đức	Cánh	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1496	1921129230	Hoàng Kim	Công	K19TPM	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>	<b>6.5</b>	TBK	
1497	1921123297	Phan Mạnh	Cường	K19TPM									7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>		KĐĐK	
1498	1921123316	Hoàng Đức	Cường	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.0</b>	K	
1499	1921128745	Đỗ Mai	Cường	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>	<b>6.4</b>	TBK	
1500	1921129473	Nguyễn Công	Cường	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1501	1921123237	Phạm Văn	Chính	K19TPM	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	7.0	6.0	8.0	<b>7.3</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1502	1921123312	Lê Trọng	Chương	K19TPM	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.5</b>	TBK	
1503	1921113088	Đoàn Văn Trường	Danh	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	6.0	7.0	<b>7.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.1</b>	K	
1504	1921123255	Trần Văn	Dũng	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	8.0	<b>7.3</b>	<b>7.2</b>	K	
1505	1921123288	Hoàng Anh	Dũng	K19TPM	7.0	9.0	6.0	<b>6.9</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	5.0	6.0	6.0	<b>5.7</b>	<b>6.4</b>	TBK	
1506	1921433962	Nguyễn Thế	Dũng	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	5.0	6.0	7.0	<b>6.2</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1507	1920123291	Nguyễn Hữu	Duy	K19TPM	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	7.0	7.0	<b>7.0</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1508	1921123145	Nguyễn Quốc	Duy	K19TPM	9.0	8.0	6.0	<b>7.3</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	8.0	<b>7.1</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1509	1921123199	Phạm Ngọc	Duy	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.1</b>	K	
1510	1921123152	Châu Hoàng Anh	Đạt	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	7.0	3.5	<b>5.9</b>	5.0	6.0	7.0	<b>6.2</b>	<b>6.3</b>	TBK	
1511	1921123181	Lê Duy	Đạt	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	5.0	6.0	6.0	<b>5.7</b>	<b>6.4</b>	TBK	
1512	1921123302	Trịnh Quang	Đạt	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	6.0	6.0	<b>6.9</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.2</b>	K	
1513	1921255523	Thân Trọng	Đạt	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1514	1921128932	Phạm Lê	Da-Vít	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1515	1921123156	Nguyễn Đỗ Hoàng	Đình	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.1</b>	K	
1516	1921123314	Nguyễn	Đoàn	K19TPM	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>	<b>6.4</b>	TBK	
1517	1921123294	Lê Văn	Đức	K19TPM	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	8.0	<b>7.3</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1518	1921128127	Đinh Văn	Hải	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	6.0	<b>7.1</b>	7.0	7.0	7.0	<b>7.0</b>	<b>7.3</b>	K	
1519	1921129517	Hồng Trung	Hậu	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1520	1921123157	Dương Đình	Hiệp	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	7.0	6.0	<b>7.1</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>7.2</b>	K	
1521	1921123292	Trần Văn	Hiệp	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.0</b>	K	
1522	1921128968	Nguyễn Quang	Hiếu	K19TPM	9.0	7.0	8.0	<b>8.1</b>	9.0	7.0	8.0	<b>8.1</b>	8.0	7.0	8.0	<b>7.8</b>	<b>8.0</b>	G	
1523	1921129069	Trần Huy	Hiếu	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1524	1921113060	Nguyễn Phước	Hòa	K19TPM	9.0	8.0	6.0	<b>7.3</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	5.0	5.0	7.0	<b>6.0</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1525	1921123276	Nguyễn Ngọc	Hoàng	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	6.0	<b>6.3</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1526	1921119852	Hà Huy	Hùng	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1527	1921128136	Nguyễn Việt	Hùng	K19TPM	7.0	8.0	5.0	<b>6.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	8.0	<b>7.1</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1528	1921123148	Thái Hoàng Gia	Huy	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.0</b>	K	
1529	1921123204	Trần Minh	Huy	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	6.0	6.0	<b>6.9</b>	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1530	1921215019	Lê Đức	Huy	K19TPM	9.0	9.0	6.0	<b>7.5</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	6.0	<b>6.3</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1531	1920128696	Tạ Thị Ngọc	Huyền	K19TPM	9.0	8.0	6.0	<b>7.3</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	6.0	<b>6.3</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1532	1921123221	Nguyễn	Huyền	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.1</b>	K	
1533	1921123195	Lê Thanh	Hưng	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	6.0	6.0	<b>6.9</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>7.1</b>	K	
1534	1921123284	Đặng Vui Quốc	Hưng	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	5.0	6.0	<b>6.7</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.2</b>	K	
1535	1921613394	Nguyễn Quang	Hưng	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	8.0	<b>7.3</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1536	1920524340	Võ Thị Mỹ	Hương	K19TPM	9.0	8.0	6.0	<b>7.3</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1537	1921123240	Nguyễn Quốc	Kiều	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1538	1921123273	Nguyễn Trần Nhật	Kha	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.8</b>	TBK	
1539	1921129567	Lê Quang	Khánh	K19TPM	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	8.0	<b>7.1</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1540	1921326378	Đào Ngọc	Khoa	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	5.0	6.0	8.0	<b>6.7</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1541	1920718808	Nguyễn Tuyết	Lãnh	K19TPM	9.0	9.0	6.0	<b>7.5</b>	9.0	6.0	6.0	<b>6.9</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>7.0</b>	K	
1542	1921123192	Nguyễn Xuân	Lâm	K19TPM	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.4</b>	TBK	
1543	1921146140	Phạm Việt	Lịch	K19TPM	9.0	9.0	7.0	<b>8.0</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1544	1920128129	Cao Thị Thùy	Linh	K19TPM	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	6.0	<b>6.3</b>	<b>6.5</b>	TBK	
1545	1921129437	Tạ Khánh	Linh	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	5.0	5.0	<b>6.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.7</b>	TBK	
1546	1921613349	Trần Nhật	Linh	K19TPM									7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>		KĐĐK	
1547	1921123174	Đinh Văn	Long	K19TPM	9.0	9.0	6.0	<b>7.5</b>	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>7.2</b>	K	
1548	1921123241	Lê Phan Hoàng	Long	K19TPM	9.0	8.0	6.0	<b>7.3</b>	9.0	5.0	4.0	<b>5.7</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.6</b>	TBK	
1549	1921126434	Phan Hoàng	Long	K19TPM	9.0	8.0	7.0	<b>7.8</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	5.0	7.0	<b>6.6</b>	<b>7.0</b>	K	
1550	1921123256	Nguyễn Lương	Lộc	K19TPM	9.0	5.0	7.0	<b>7.2</b>	9.0	7.0	5.0	<b>6.6</b>	7.0	6.0	7.0	<b>6.8</b>	<b>6.9</b>	TBK	
1551	1921126469	Lê Thái	Lộc	K19TPM	9.0	8.0	5.0	<b>6.8</b>	9.0	6.0	5.0	<b>6.4</b>	7.0	5.0	5.0	<b>5.6</b>	<b>6.3</b>	TBK	
1552	1921123310	Tiêu Minh	Lục	K19TPM	7.0	5.0	6.0	<b>6.1</b>											

1554	1921123264	Nguyễn Đăng	Minh	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	7.0	7.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
1555	1921123278	Nguyễn Bình	Minh	K19TPM	9.0	9.0	6.0	7.5	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1556	1921129240	Nguyễn Thanh	Minh	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
1557	1921123185	Lê Văn Thanh	Mỹ	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1558	1921123260	Nguyễn Phước Thành	Nam	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
1559	1921123296	Trần Văn	Nam	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
1560	1921123233	Huỳnh Trọng	Nghĩa	K19TPM	9.0	9.0	6.0	7.5	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
1561	1920123229	Trần Dương Thủy	Ngọc	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK
1562	1921123248	Huỳnh Bá	Ngọc	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1563	1921126503	Trần Hồng	Nguyễn	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	4.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
1564	1920129023	Trần Thị	Nguyệt	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
1565	1921113117	Võ Văn	Nhân	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
1566	1921637881	Đặng Đình	Nhân	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
1567	1921123216	Trương Quý	Nhất	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	5.0	5.0	7.0	6.0	6.3	TBK
1568	1921123280	Đoàn Thanh	Phúc	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.2	K
1569	1921123295	Nguyễn Hữu	Phúc	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	6.8	TBK
1570	1921123279	Võ Như	Phước	K19TPM	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	5.0	4.0	5.1	5.0	6.0	6.0	5.7	5.7	TB
1571	1921123287	Nguyễn Đại	Phước	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
1572	1921123165	Nguyễn Thanh	Phương	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1573	1921123196	Nguyễn Quang	Phương	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	6.0	6.1	6.2	TBK
1574	1921524346	Phạm Văn	Phương	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	8.0	7.3	7.3	K
1575	1921123247	Hồ Văn	Quang	K19TPM	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1576	1921123242	Đặng Văn	Quân	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	K
1577	1921123252	Phan Văn	Quân	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
1578	1921123274	Nguyễn Ngọc	Quân	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK
1579	1921126508	Đoàn Minh	Quân	K19TPM	9.0	9.0	5.0	7.0	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
1580	1921648703	Đỗ Vũ	Quân	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
1581	1921123259	Lê Hữu	Quốc	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
1582	1921121830	Võ Văn	Quy	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
1583	1921123214	Nguyễn Hoàng	Quý	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	6.0	4.0	5.9	7.0	5.0	6.0	6.1	6.1	TBK
1584	1921128130	Siu Y	Samara	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK
1585	1921129921	Nguyễn Ngọc	Sáu	K19TPM	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK
1586	1921123187	Mai Văn	Son	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK
1587	1921123198	Nguyễn Đình	Tài	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	8.0	7.1	7.1	K
1588	1921644916	Trương Thành	Tài	K19TPM	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK
1589	1921113132	Nguyễn Nhật	Tân	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
1590	1921123271	Trương Đình	Tân	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	7.0	7.4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K
1591	1921123210	Võ Văn	Tiến	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK
1592	1921123262	Thái Thanh	Tiến	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK
1593	1921524615	Phan Quang	Tiến	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK
1594	1921123212	Nguyễn Xuân Minh	Toàn	K19TPM	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
1595	1921127843	Nguyễn Văn	Toàn	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
1596	1921123253	Phan Thương Anh	Tổ B	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	7.1	K
1597	1921123266	Phạm Minh	Tú	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	K
1598	1921123219	Lê Anh	Tuấn	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
1599	1921123222	Phạm Quốc	Tuấn	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	7.0	3.5	5.9	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK
1600	1921123213	Phan Thế	Tướng	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
1601	1921128123	Phan Công	Thái	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1602	1921122323	Lê Văn	Thanh	K19TPM	9.0	9.0	6.0	7.5	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
1603	1921123258	Vũ Hữu	Thắng	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	8.0	7.3	7.3	K
1604	1921123293	Hoàng Quang	Thiên	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	5.0	8.0	7.1	7.2	K
1605	1921126504	Hồ Văn	Thiện	K19TPM	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK
1606	1921128134	Nguyễn Thanh	Thiện	K19TPM	9.0	9.0	5.0	7.0	9.0	5.0	3.5	5.5	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
1607	1921173855	Trần Minh	Thiện	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.9	TBK
1608	1921123211	Dương Văn	Thiệu	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
1609	1921123197	Ngô Phú	Thịnh	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	1.5	4.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
1610	1921123283	Nguyễn	Thịnh	K19TPM	9.0	9.0	6.0	7.5	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1611	1921215112	Huỳnh Bá	Thịnh	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
1612	1921123175	Nguyễn Văn	Thọ	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.4	TBK
1613	1921123144	Phạm Văn	Thoại	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1614	1921123167	Trần Quốc	Thông	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
1615	1921123272	Nguyễn Anh Minh	Thông	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
1616	19211232173	Lê Văn	Thuận	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
1617	1921255518	Ngô Đức	Thuận	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK
1618	1921437871	Hà Văn	Thuận	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	K
1619	1921123306	Nguyễn Hương	Trà	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
1620	1920123246	Nguyễn Thị Huyền	Trám	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	7.0	7.4	7.0	5.0	7.0	6.6	7.3	K
1621	1921123209	Huỳnh Ngọc Minh	Trí	K19TPM	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	8.0	7.3	6.7	TBK
1622	1921634000	Nguyễn Minh	Trị	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
1623	1921123245	Hồ Thanh	Triều	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK



1624	1921123162	Châu Nguyễn Ngọc	Trình	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1625	1921123270	Nguyễn Thành	Trúc	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1626	1921123206	Lê Đức	Trung	K19TPM	9.0	9.0	5.0	7.0	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1627	1921123223	Lê Văn	Trung	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G	
1628	1921127835	Lâm Khương	Trung	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1629	1921128128	Nguyễn Phước	Trung	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	7.0	6.0	7.1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK	
1630	1921433919	Thái Bá	Trung	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	K	
1631	1920123172	Lê Bảo	Uyên	K19TPM	9.0	5.0	8.0	7.7	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	6.8	TBK	
1632	1920129076	Ngô Thị Thu	Uyên	K19TPM	9.0	9.0	5.0	7.0	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	5.0	6.0	6.1	6.7	TBK	
1633	1921129728	Lê Văn Đạt	Vang	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1634	1920123251	Hà Thị Thanh	Vi	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK	
1635	1921123303	Lê Văn	Viễn	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K	
1636	1921123254	Hoàng	Việt	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1637	1921123202	Nguyễn Quang	Vinh	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1638	1921123263	Nguyễn Đăng	Vinh	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K	
1639	1921123170	Nguyễn Lưu	Vũ	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	6.0	6.0	6.9	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1640	1921123227	Đặng Quang	Vũ	K19TPM	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.4	TBK	
1641	1921123228	Bùi Đình	Vũ	K19TPM	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1642	1921123315	Nguyễn Chiêm Minh	Vũ	K19TPM	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1643	1921126510	Nguyễn Văn Hoài	Vũ	K19TPM	9.0	8.0	6.0	7.3	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1644	1921127838	Trần Tuấn	Vũ	K19TPM	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	5.0	8.0	7.1	7.3	K	
1645	1920129099	Trương Phương Tường Vy	Vy	K19TPM	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1646	1921255524	Lê Triệu	Vỹ	K19TPM	7.0	8.0	5.0	6.2	9.0	7.0	5.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK	
1647	1921127844	Lữ Đình	Xuân	K19TPM	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	6.0	5.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	6.6	TBK	
1648	1921128594	Trần Đình	Dương	K19TPM									7.0	5.0	6.0	6.1		KDDK	
1649	1921140741	Đào Ngọc Duy	Anh	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1650	1921141381	Trần Nguyễn	Anh	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.1	K	
1651	1921529030	Phạm Bảo	Anh	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K	
1652	1921142579	Lê Việt	Cường	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1653	1920225282	Nguyễn Thị	Chiến	K19TTT	9.0	8.0	5.0	6.8	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	
1654	1921146142	Phạm Bá	Chú	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1655	1920328032	Trịnh Thị Thùy	Dung	K19TTT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	5.0	5.6	6.8	TBK	
1656	1921146135	Trần Đình Hoàng	Dũng	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK	
1657	1921128122	Nguyễn Phước	Đạo	K19TTT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK	
1658	1921722654	Phan Ngọc	Đức	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.1	K	
1659	1920146154	Phạm Thị	Hậu	K19TTT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1660	1921722649	Bùi Đức	Hòa	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1661	1921142636	Trương Quốc	Huy	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.3	TBK	
1662	1921149301	Nguyễn Văn	Huy	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK	
1663	1920146126	Phạm Thị Thanh	Huyền	K19TTT	9.0	7.0	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	G	
1664	1921123203	Ngô Đình Phan	Kiểm	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK	
1665	1921140718	Từ Đức	Khánh	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1666	1921146147	Nguyễn Quốc	Linh	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK	
1667	1921149778	Ngô Phú	Lộc	K19TTT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1668	1921141941	Phan Ngọc	Lợi	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK	
1669	1920123186	Võ Thị Mai	Ly	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	7.0	6.6	6.8	TBK	
1670	1921140806	Trương Thành	Nam	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.7	TBK	
1671	1921146125	Nguyễn Thành	Nam	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1672	1920219977	Lê Thị	Nguyễn	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.1	K	
1673	1920255497	Nguyễn Thị	Nhung	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	7.1	K	
1674	1921146156	Võ Khắc	Phi	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK	
1675	1921173902	Nguyễn Minh	Phú	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K	
1676	1921146134	Huỳnh Đức	Quốc	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.1	K	
1677	1921142446	Trần Công	Son	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	7.0	7.2	7.0	6.0	8.0	7.3	7.2	K	
1678	1921149784	Võ Thanh	Tài	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	6.0	7.3	7.0	5.0	6.0	6.1	6.8	TBK	
1679	1921142553	Nguyễn Văn	Tăng	K19TTT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1680	1921163725	Nguyễn Hữu	Tâm	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
1681	1921146130	Trần Minh	Tiên	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK	
1682	1921249513	Nguyễn Mạnh	Tín	K19TTT	9.0	7.0	5.0	6.6	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.3	TBK	
1683	1921149519	Phan Việt	Toàn	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	6.5	TBK	
1684	1921146121	Lê Văn Anh	Tú	K19TTT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK	
1685	1921140736	Nguyễn Anh	Tuấn	K19TTT	9.0	7.0	7.0	7.6	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.9	TBK	
1686	1921530959	Nguyễn Huy	Tướng	K19TTT	9.0	5.0	6.0	6.7	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.8	TBK	
1687	1921146152	Hồ Kinh Quốc	Thái	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	5.0	5.0	6.2	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK	
1688	1921140860	Phạm Anh	Thiện	K19TTT	9.0	7.0	6.0	7.1	9.0	8.0	5.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1689	1920146150	Võ Thị	Thúy	K19TTT	9.0	5.0	5.0	6.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1690	1920146144	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K19TTT	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	9.0	5.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.3	7.4	K	
1691	1921149802	Tô Văn	Trực	K19TTT	9.0	5.0	7.0	7.2	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK	
1692	1921142641	Trần Thanh	Vinh	K19TTT	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	5.0	6.0	6.7	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK	